Trường Cao đẳng Miền Nam
Phòng Đào Tạo

Danh Sách Ghi Điểm

Môn học: **Kỹ năng nghề nghiệp**
CBGD: **Lê Anh Tuấn**

TT	Mã SV	Họ và Tên		Ng/ sinh	Lớp	Điểm KT		Điểm thi	Điểm TK	Xếp loại
						TX	GK			
1	3008090023	Đàm Thị Lan	**Anh**	12/04/94	08CDDS1	6.0	6.0	7.0	**6.5**	Trung bình
2	3008090009	Nguyễn Thị Kim	**Cương**	10/04/91	08CDDS1	9.0	7.0	6.0	**6.9**	Trung bình
3	3008090025	Nguyễn Thị Thu	**Diệu**	07/10/91	08CDDS1	1.0	7.0	8.0	**6.3**	Trung bình
4	3008090024	Lê Nguyễn Thùy	**Đoan**	19/04/90	08CDDS1	10.0	9.0	9.0	**9.2**	Giỏi
6	3008090006	Lê Phước	**Dũng**	26/02/82	08CDDS1	9.0	7.0	8.0	**7.9**	Khá
7	3008090035	Nguyễn Thị Lệ	**Hằng**	30/11/95	08CDDS1	6.0	7.0	8.0	**7.3**	Khá
8	3008090015	Võ Thị Mỹ	**Hằng**	30/08/93	08CDDS1	9.0	8.0	7.0	**7.7**	Khá
10	3008090011	Phạm Thị Ngọc	**Hiền**	12/10/77	08CDDS1	9.0	8.0	8.0	**8.2**	Giỏi
11	3008090003	Bùi Thị	**Hoa**	02/10/87	08CDDS1	8.0	7.0	7.0	**7.2**	Khá
12	3008090346	Lê Bửu	**Hoà**	24/07/92	08CDDS1	8.0	8.0	8.0	**8.0**	Giỏi
13	3008090022	Hồ Thị Tuyết	**Hồng**	14/07/87	08CDDS1	7.0	8.0	8.0	**7.8**	Khá
14	3008090033	Hoàng Thị	**Huyền**	04/04/88	08CDDS1	9.0	8.0	8.0	**8.2**	Giỏi
15	3008090030	Hoàng Trung	**Kiên**	09/06/84	08CDDS1	2.0	7.0	7.0	**6.0**	Trung bình
16	3008090010	Lê Thị Kim	**Liên**	04/10/94	08CDDS1	9.0	7.0	8.0	**7.9**	Khá
17	3008090034	Trương Quỳnh ái	**Linh**	01/04/94	08CDDS1	5.0	6.0	7.0	**6.3**	Trung bình
18	3008090348	Võ Thị Thảo	**Ly**	16/08/91	08CDDS1	7.0	6.0	6.0	**6.2**	Trung bình
19	3008090017	Hoàng Thị Thu	**Nga**	04/05/87	08CDDS1	9.0	8.0	8.0	**8.2**	Giỏi
21	3008090002	Tô Hồng	**Nga**	31/08/82	08CDDS1	9.0	8.0	8.0	**8.2**	Giỏi
23	3008090037	Đào Kim	**Ngân**	14/02/93	08CDDS1	9.0	7.0	7.0	**7.4**	Khá
24	3008090004	Trần Thị Kim	**Ngân**	11/10/94	08CDDS1	8.0	7.0	8.0	**7.7**	Khá
26	3008090326	Nguyễn Thị Huyền	**Nhân**	24/12/87	08CDDS1	8.0	8.0	9.0	**8.5**	Giỏi
27	3008090036	Nguyễn Thị	**Phượng**	15/01/95	08CDDS1	9.0	7.0	7.0	**7.4**	Khá
28	3008090027	Nguyễn Thị Hồng	**Phượng**	21/07/93	08CDDS1	7.0	8.0	8.0	**7.8**	Khá
30	3008090005	Phạm Thị Thu	**Sen**	25/02/87	08CDDS1	8.0	7.0	8.0	**7.7**	Khá
31	3008090026	Võ Thị Kim	**Thành**	27/02/94	08CDDS1	7.0	8.0	7.0	**7.3**	Khá
32	3008090029	Nguyễn Thị Thu	**Thảo**	05/01/94	08CDDS1	9.0	8.0	8.0	**8.2**	Giỏi
33	3008090028	Phạm Thị Ngọc	**Thương**	23/06/93	08CDDS1	9.0	7.0	7.0	**7.4**	Khá
35	3008090019	Huỳnh Văn	**Trí**	28/03/93	08CDDS1	9.0	7.0	8.0	**7.9**	Khá
36	3008090021	Trần Anh	**Tú**	23/08/82	08CDDS1	8.0	8.0	9.0	**8.5**	Giỏi
37	3008090020	Đỗ Văn	**Tư**	15/05/94	08CDDS1	6.0	7.0	7.0	**6.8**	Trung bình
38	3008090031	Nguyễn Thị	**Tuyết**	18/06/92	08CDDS1	9.0	8.0	7.0	**7.7**	Khá
39	3008090014	Nguyễn Thị My	**Uyên**	08/11/92	08CDDS1	1.0	7.0	7.0	**5.8**	Trung bình
40	3008090018	Vũ Hoài	**Vũ**	21/10/92	08CDDS1	5.0	7.0	8.0	**7.1**	Khá
41	3006090128	Lê Thị Huệ	**Tâm**	17/04/95	06CDDS2	2.0	8.0	7.0	**6.3**	Trung bình
42	3006090133	Lâm Thị Hồng	**Thương**	10/06/95	06CDDS2	0.0	0.0	0.0	**0.0**	
43	3006090266	Đào Thị Mỹ	**Nhi**	13/09/95	06CDDS4	9.0	7.0	7.0	**7.4**	Khá

TT	Mã SV	Họ và Tên		Ng/ sinh	Lớp	Điểm KT		Điểm thi	Điểm TK	Xếp loại
						TX	GK			
44	3006090301	Đào Tiến	**Đạt**	21/09/95	06CDDS5	2.0	8.0	7.0	**6.3**	Trung bình
45	3006090311	Nguyễn Gia	**Hân**	03/01/95	06CDDS5	5.0	6.0	6.0	**5.8**	Trung bình
46	3006090321	Nguyễn Thành	**Kê**	10/06/94	06CDDS5	4.0	6.0	6.0	**5.6**	Trung bình
47	3006090323	Nguyễn Thị Bích	**Lài**	15/05/95	06CDDS5	7.0	6.0	7.0	**6.7**	Trung bình
48	3006090326	Phạm Kiều Diễm	**Linh**	25/03/94	06CDDS5	5.0	7.0	7.0	**6.6**	Trung bình
49	3006090336	Thái Bảo	**Ngọc**	28/11/95	06CDDS5	5.0	6.0	7.0	**6.3**	Trung bình
50	3006090348	Nguyễn Thanh	**Phong**	15/03/94	06CDDS5	5.0	5.0	5.0	**5.0**	Trung bình
51	3006090360	Nguyễn Văn	**Thanh**	09/08/94	06CDDS5	5.0	6.0	6.0	**5.8**	Trung bình

Ngày 22 tháng 12 năm 2016